

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 4

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Chọn câu trả lời đúng.

Câu 1. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm: $5\text{dm}^2\ 15\text{cm}^2 = \dots\text{cm}^2$ là:

- A. 515 B. 5015 C. 50015 D. 65

Câu 2. Số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 là:

- A. 573 B. 308 C. 6765 D. 72570

Câu 3. Phân số $\frac{8}{20}$ rút gọn thành phân số:

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{2}{5}$

Câu 4. $\frac{2}{3}$ của 54kg là:

- A. 36kg B. 81kg C. 360kg D. 810kg

Câu 5. Đoạn đường từ nhà đến trường dài 20m. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 độ dài đoạn đường đó dài là:

- A. 40cm B. 4cm C. 25cm D. 250cm

Câu 6. Mẹ hơn con 30 tuổi, biết hiện nay tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con. Sau 2 năm nữa, tuổi của mẹ là:

- A. 34 tuổi B. 30 tuổi C. 36 tuổi D. 38 tuổi

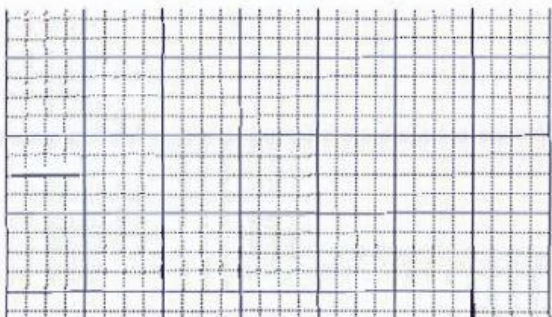
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1. Điền dấu thích hợp "< ; > hoặc =" vào chỗ trống. (3 điểm)

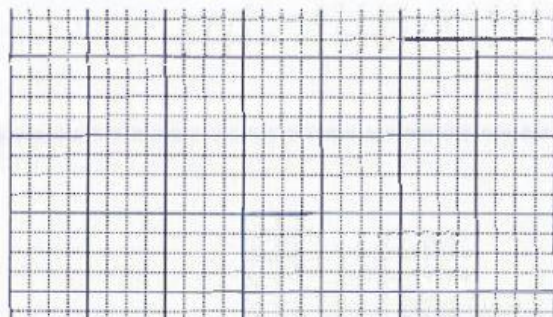
- a) 150 phút  2 giờ 15 phút b) 8 tấn 18kg  8018kg
- c) 3 thế kỉ 5 năm  305 năm d) $6\text{m}^2\ 15\text{dm}^2$  6015dm^2
- e) 6km 8m  6980m g) 2 ngày 4 giờ  56 giờ

Bài 2. Tìm x. (1 điểm)

a) $\frac{8}{x} + \frac{1}{5} = \frac{2}{5} + \frac{1}{3}$

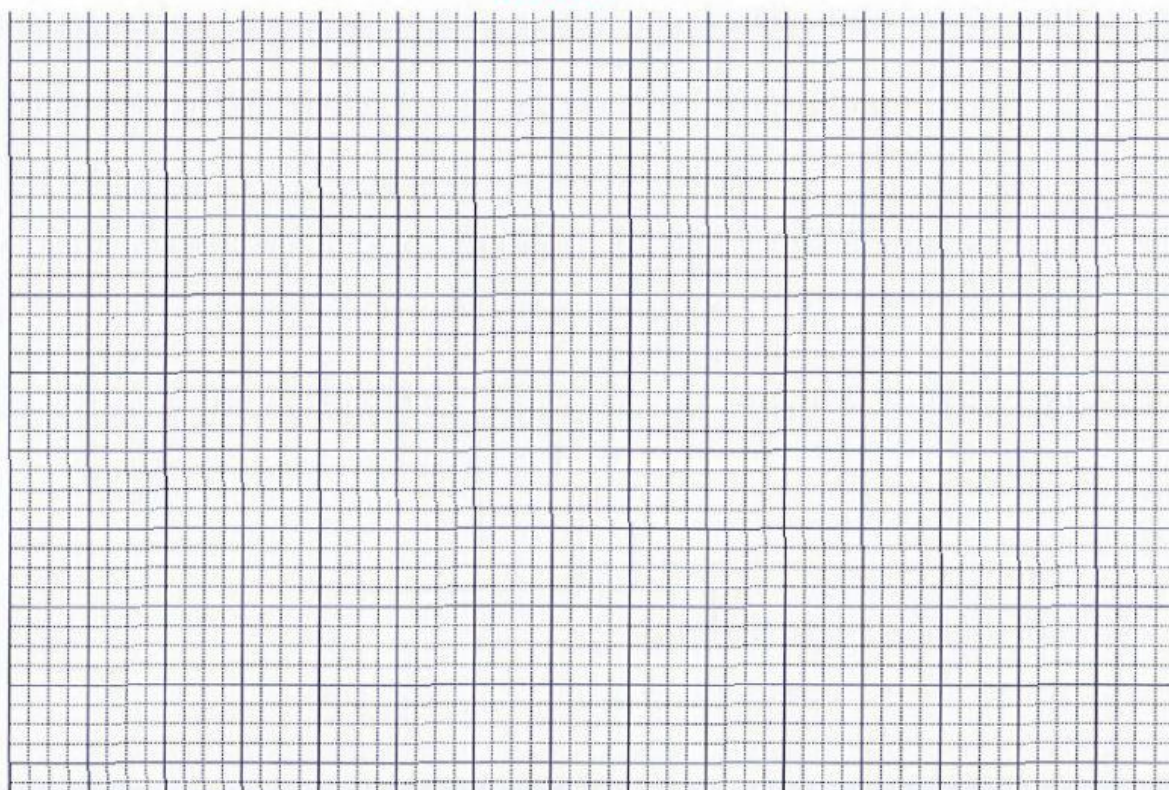


b) $\left(x - \frac{3}{5}\right) : \frac{1}{5} = \frac{5}{8}$



Bài 3. Một cái sân hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 24m và chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính diện tích cái sân đó. (2 điểm)

Bài giải



Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất. (1 điểm)

a) $\frac{3}{5} \times \frac{17}{21} + \frac{17}{21} \times \frac{2}{5} =$



b) $\frac{15}{8} : \frac{5}{20} - \frac{7}{8} : \frac{1}{4} =$

